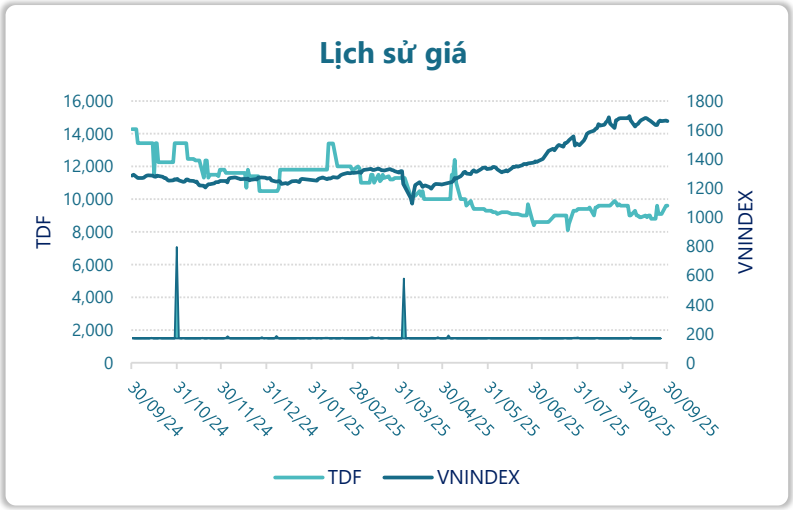
FireAnt

CTCP Trung Đô (UPCOM: TDF)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,279
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	420
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	288
P/E	-27.5
EPS	-349

DT thuần

Q3/25

91.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.4| -30.1%

YoY: ▼29.4| -24.3%

LN sau thuế

Q3/25

-23.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.5| -8701%

YoY: ▼23.6| -6054%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-13.6%

+/- YoY: ▼ 25.4%

DT thuần

9T 2025

310

tỷ VNĐ

YoY: ▼44.0| -12.3%

LN sau thuế

9T 2025

-44.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.4| -136%

ROE

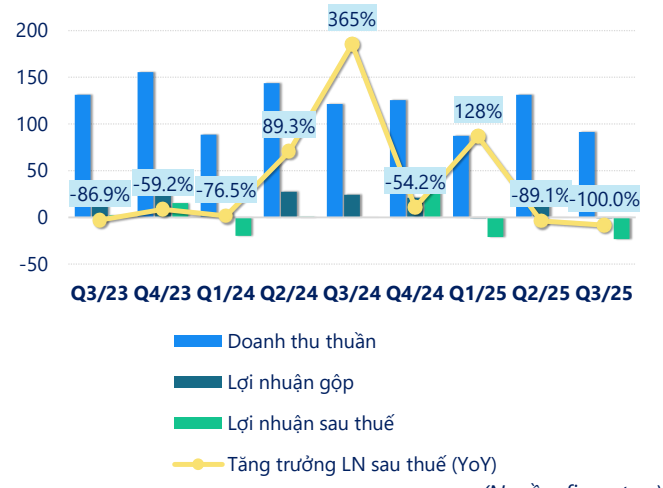
Q3/25

-1.4%

+/- YoY: ▼ 1.0%

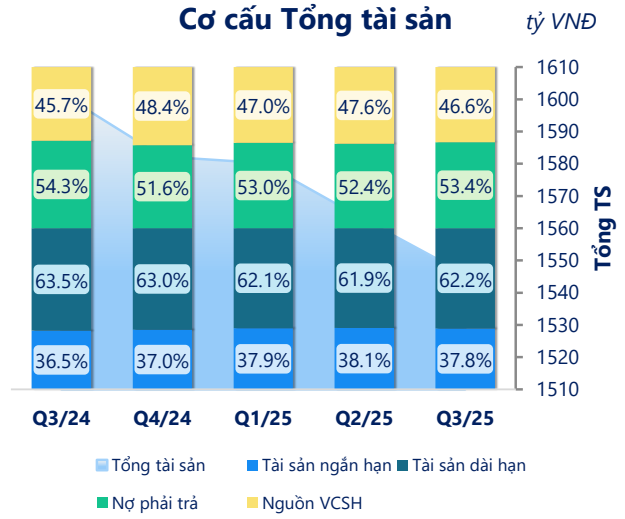
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



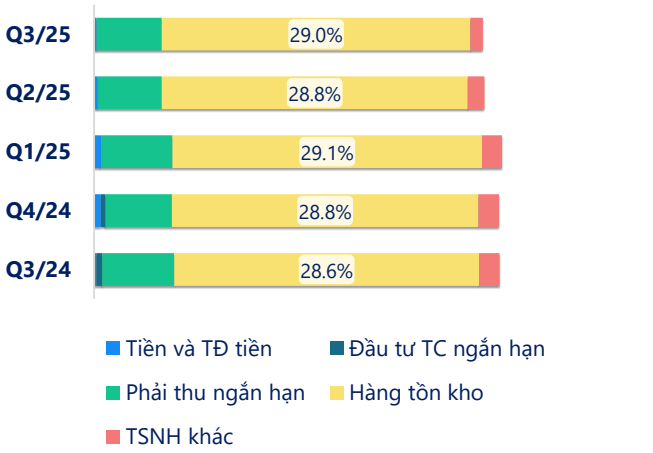
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



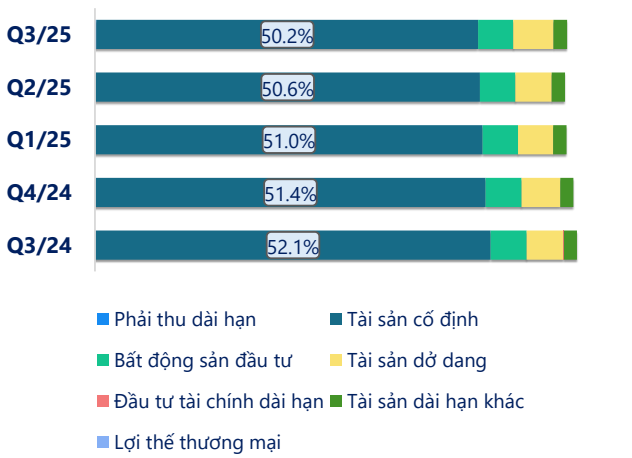
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



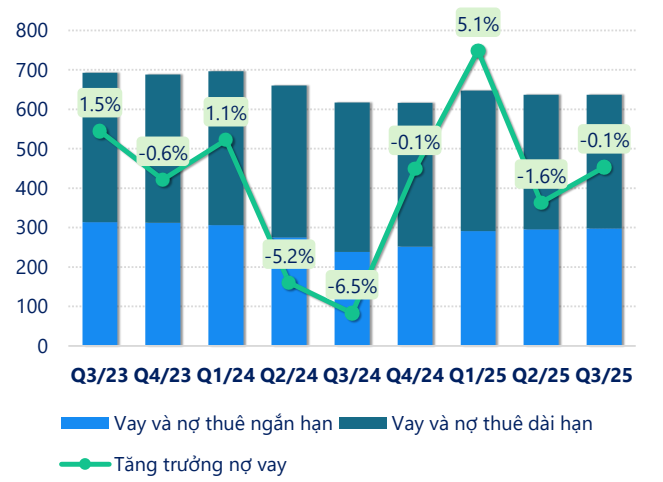
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



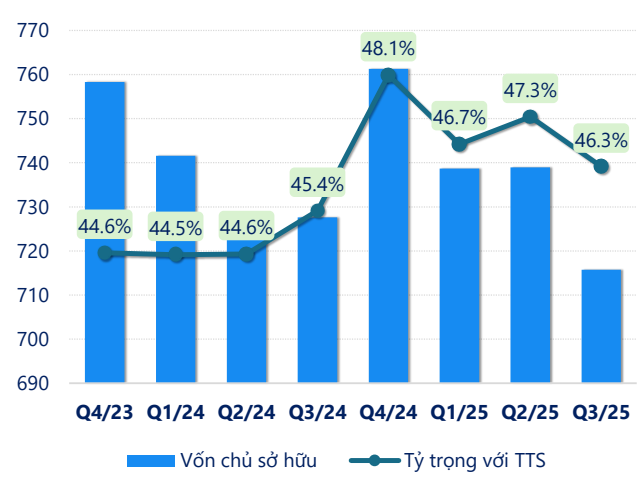
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



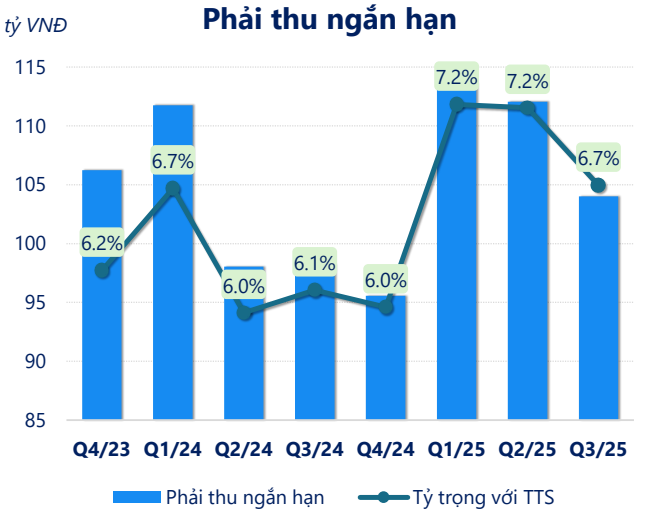
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



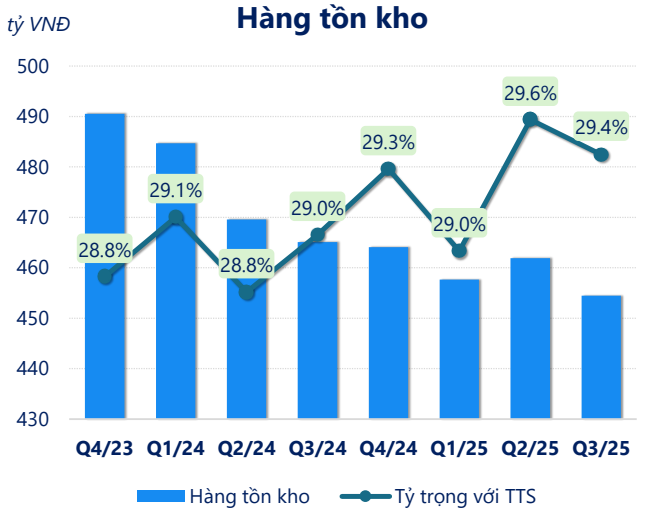
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



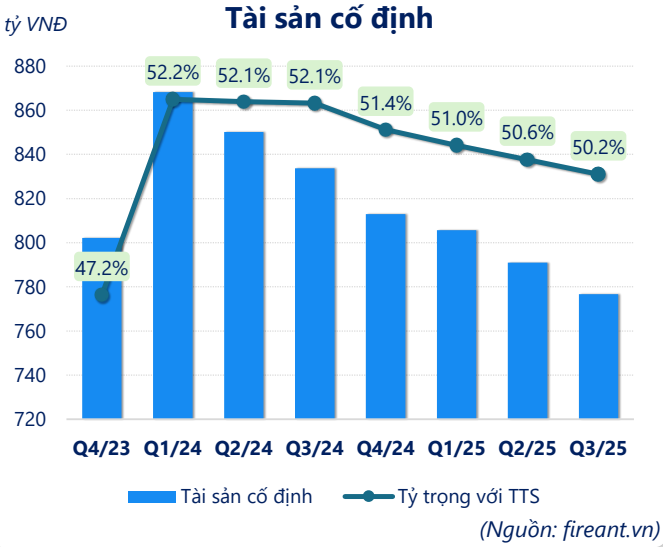
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



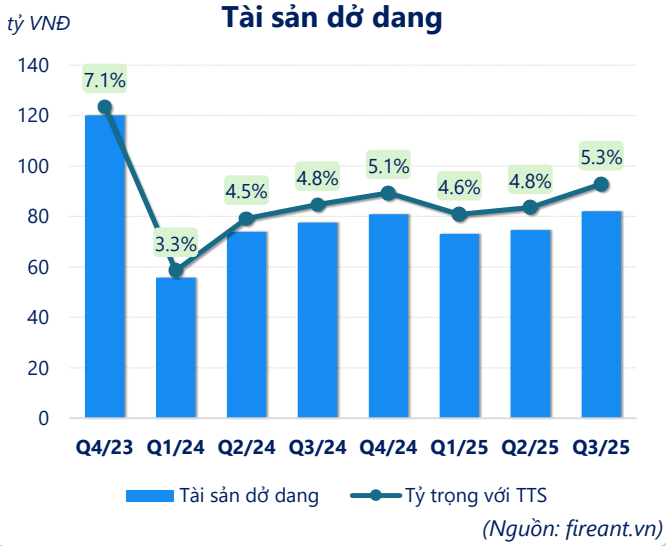
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



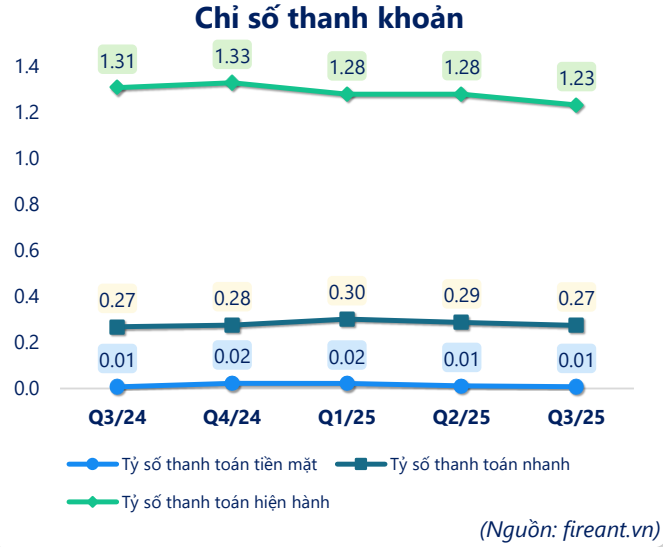
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



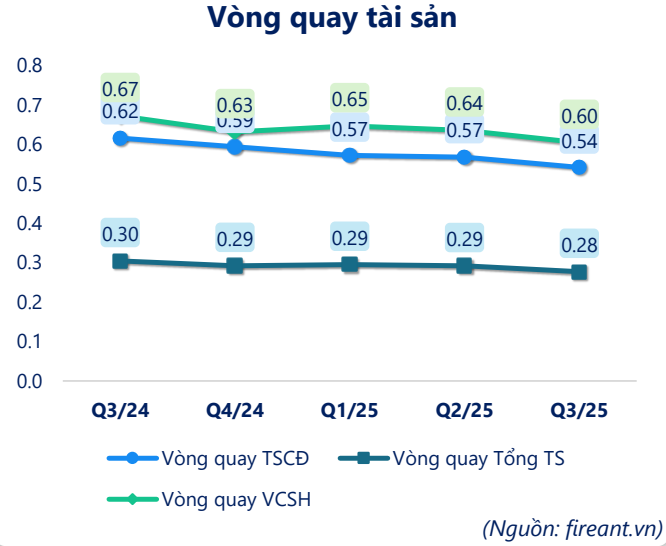
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,602**	**1,582**	**1,580**	**1,563**	**1,546**
Tài sản ngắn hạn	**585**	**586**	**599**	**596**	**585**
Tiền và tương đương tiền	3.18	9.89	10.3	5.48	3.55
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.00	1.00	1.00	1.00
Phải thu ngắn hạn	98.3	95.6	114	112	104
Hàng tồn kho	465	464	458	462	454
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	15.0	16.4	15.4	21.7
Tài sản dài hạn	**1,017**	**997**	**981**	**967**	**961**
Phải thu dài hạn	0.71	0.71	0.75	0.95	2.89
Tài sản cố định	834	813	806	791	777
Bất động sản đầu tư	75.9	74.8	73.7	72.6	71.6
Tài sản dở dang	77.6	80.8	73.1	74.6	82.0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	27.7	27.3	28.1	27.7	27.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**870**	**816**	**837**	**819**	**826**
Nợ ngắn hạn	**447**	**441**	**468**	**465**	**474**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	252	291	296	298
Phải trả người bán ngắn hạn	81.5	80.7	70.4	67.1	62.2
Nợ dài hạn	423	376	369	354	351
Vay và nợ thuê dài hạn	379	364	356	341	339
Nguồn vốn chủ sở hữu	**732**	**766**	**743**	**744**	**720**
Vốn chủ sở hữu	**728**	**761**	**739**	**739**	**716**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	3.97	4.71	4.65	4.59	4.53

(Nguồn: fireant.vn)